

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/HNGĐ-PT**
Ngày: 18/02/2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia
đình - ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải; bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên
- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-HNGĐ về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 621/2019/HNGĐ-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 603, tổ 19, ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 17, tổ 16, ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Văn Bé
– thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Giữa bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn B tự tìm hiểu, quen biết nhau năm 2015 và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 54 ngày 30/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, nên bà Lê Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- *Về con chung:* Có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/6/2017. Bà Lê Thị Mỹ D trình bày từ khi sinh cháu H đều do bà D nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng đến tháng 6 năm 2019 thì ông Nguyễn Văn B rước cháu H về chơi và nuôi dưỡng cho đến nay, hiện cháu H đang ở chung với ông B. Khi ly hôn bà Lê Thị Mỹ D yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/6/2017, không yêu cầu ông Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn B thống nhất như lời trình bày của bà Lê Thị Mỹ D là giữa ông và bà Lê Thị Mỹ D về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không tiếp tục chung sống vợ chồng được. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Mỹ D thì ông Nguyễn Văn B không đồng ý ly hôn vì ông B còn thương vợ, thương con.

- *Về con chung:* Có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/6/2017. Ông Nguyễn Văn B trình bày từ khi sinh cháu H đều do bà D nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng đến tháng 6 năm 2019 thì ông Nguyễn Văn B rước cháu H về chơi và hiện cháu H đang ở chung với ông B. Ông B không đồng ý theo yêu cầu của bà D về việc nuôi con chung mà ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/6/2017 và không yêu cầu bà Lê Thị Mỹ D phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 621/2019/HNGĐ-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn B.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/6/2017 cho bà Lê Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Lê Thị Mỹ D và các thành viên trong gia đình của bà Lê Thị Mỹ D không được cản trở ông Nguyễn Văn B thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Bà Lê Thị Mỹ D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2019 ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 24/6/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- **Luật sư Bé trình bày:** Ông B sống chung với cha mẹ, cha mẹ ông B không làm gì chỉ ở nhà có thể chăm sóc cháu tiếp ông B khi ông B đi làm. Ông B có thu nhập ổn định, có đầy đủ khả năng nuôi con đảm bảo về vật chất và tinh thần cho con. Ông B cũng đã nuôi con được khoảng 01 năm, hiện nay đã ổn định, nếu nay chuyển con sang cho bà D nuôi sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến con. Đề nghị HĐXX xem xét tình hình thực tế để quyết định giao con cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng.

- **Ông B** không có ý kiến tranh luận.

- **Bà D trình bày:** Mặc dù ông B bắt con nuôi nhưng con luôn khóc tìm mẹ, vấn đề này ông B và gia đình ông B là người biết rõ nhất. Con không thể sống xa mẹ nhưng ông B vẫn cố tình để con sống xa mẹ làm khổ con, làm ảnh hưởng đến con. Chuyện tình cảm vợ chồng, tôi đã bỏ qua cho ông B rất nhiều lần, ông B xúc phạm vợ rồi xúc phạm cha mẹ vợ. Ông B không sửa sai, không chăm lo gia đình. Hiện nay tôi cũng có công việc ổn định, thu nhập đủ lo cho con và con tôi dưới

36 tháng tuổi nên cần được mẹ chăm sóc. Do đó, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Nguyễn Văn B là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn B kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông B, thấy: Theo khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Từ những quy định trên, Tòa án luôn dựa vào nguyên tắc thỏa thuận giữa bà D và ông B để quyết định ai sẽ là người được nuôi con. Nhưng cả hai không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm ông B trình bày thu nhập của ông mỗi tháng là 10 triệu đồng và cung cấp được giấy xác nhận lương của ông để chứng minh ông có đủ khả năng lo tốt cho con. Ngoài ra, ông B cũng cho biết thời gian ông đi làm thì có ông bà nội lo cho cháu. Điều này cũng không khác gì đối với việc khi bà D đi làm giờ hành chính cũng giao cháu cho ngoại chăm sóc. Mặc dù bà D còn phải thuê nhà nhưng bà cũng chứng minh được thu nhập của mình có đủ các điều kiện đảm bảo cả về

kinh tế lẫn tinh thần đáp ứng cho yêu cầu phát triển bình thường của người con (*bút lục 31 – 32*). Bên cạnh đó, cháu H dưới 36 tháng tuổi cần được mẹ là bà D trực tiếp giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận giao con chung cho bà Lê Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Do đó, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà D và ông B, nhưng không tuyên về giá trị pháp lý của giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Về con chung, không buộc ông B giao cháu H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, sẽ gây khó khăn ở giai đoạn thi hành án. Do đó, HĐXX phúc thẩm sửa về cách tuyên của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên ông Bình không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

Sửa bản án sơ thẩm số 621/2019/HNGĐ-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang về cách tuyên án về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 30-5-2016 do Ủy ban nhân dân xã B1, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn B không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/6/2017 cho bà Lê Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Lê Thị Mỹ D và các thành viên trong gia đình của bà Lê Thị Mỹ D không được cản trở ông Nguyễn Văn B thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho bà Lê Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị Mỹ D không yêu cầu ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Các quyết định khác của bản án hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm, ông B được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006026 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. C (1)
- THA H. (1)
- Tòa GD & NCTN (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu: Hồ sơ.

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phượng